



Lenovo ThinkPad L590 Intel® Core™ i5 i5-8265U Laptop 39,6 cm (15.6") 8 GB DDR4-SDRAM 256 GB SSD Màu đen

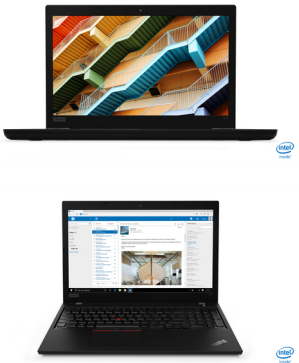
Nhãn hiệu : Lenovo

Họ sản phẩm: ThinkPad

Mã sản phẩm: 20Q7CTO1WW-C8-L6

Tên mẫu : L590

Lenovo ThinkPad L590. Sản Phẩm: Laptop, Hệ số hình dạng: Loại gấp. Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i5, Model vi xử lý: i5-8265U, Tốc độ bộ xử lý: 1,6 GHz. Kích thước màn hình: 39,6 cm (15.6"). Bộ nhớ trong: 8 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR4-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 256 GB, Phương tiện lưu trữ: SSD. Model card đồ họa on-board: Intel® UHD Graphics. Màu sắc sản phẩm: Màu đen. Trọng lượng: 2 kg



Thiết kế		Cổng giao tiếp	
Sản Phẩm *	Laptop	Số lượng cổng USB 3.2 Gen 2 (3.1 Gen 2) Type-C	1
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen	Cổng Ethernet LAN (RJ-45)	1
Hệ số hình dạng *	Loại gấp	Số lượng cổng HDMI *	1
Vật liệu vỏ bọc	Acrylonitrile butadiene styrene (ABS)	Phiên bản HDMI	1.4b
Định vị thị trường	Kinh doanh	Cổng kết hợp tai nghe/mic	✓
Màn hình		Bộ nổi trạm	✓
Kích thước màn hình *	39,6 cm (15.6")	Chế độ Thay thế DisplayPort USB Type-C	✓
Màn hình cảm ứng *	✗	Chức năng Ngủ và Sạc USB	✓
Đèn LED phía sau	✓	Cổng Ngủ và Sạc USB	1
Tỉ lệ khung hình thực	16:9	Bàn phím	
Bộ xử lý		Thiết bị chỉ điểm	ThinkPad UltraNav
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Bàn phím số *	✓
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i5	Bàn phím chống nước	✓
Thế hệ bộ xử lý	8th gen Intel® Core™ i5	Phần mềm	
Model vi xử lý *	i5-8265U	Cấu trúc hệ điều hành	32-bit
Số lõi bộ xử lý	4	Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Các luồng của bộ xử lý	8	Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✓
Tần số turbo tối đa	3,9 GHz	Công nghệ Phản hồi Thông minh của Intel®	✓
Tốc độ bộ xử lý *	1,6 GHz	Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
Tốc độ bus hệ thống	4 GT/s	Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	6 MB	Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
Dòng bộ nhớ cache CPU	Smart Cache	Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1528	Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm	Công nghệ Intel® Clear Video	✓
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit	Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓
Tên mã bộ vi xử lý	Whiskey Lake	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
Loại bus	OPI	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Công suất thoát nhiệt TDP	15 W		
Tần số configurable TDP-up	1,8 GHz		
Configurable TDP-up	25 W		
TDP-down có thể cấu hình	10 W		
Tần số TDP-down có thể cấu hình	0,8 GHz		
Tjunction	100 °C		
Số lượng tối đa đường PCI Express	16		
Phiên bản PCI Express	3.0		
Cấu hình PCI Express	1x4, 2x2		

Bộ nhớ		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Bộ nhớ trong *	8 GB	Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Loại bộ nhớ trong	DDR4-SDRAM	Intel® Enhanced Halt State	✓
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	2400 MHz	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Hệ số bộ nhớ tiêu chuẩn	SO-DIMM	Khóa An toàn Intel	✓
Khe cắm bộ nhớ	2x SO-DIMM	Intel® TSX-NI	✗
Bộ nhớ trong tối đa *	64 GB	Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổ định của Intel® (SIPP)	✗
Dung lượng		Intel® OS Guard	✓
Tổng dung lượng lưu trữ *	256 GB	Mở Rộng Bảo Vệ Phần Mềm Intel® (Intel®SGX)	✓
Phương tiện lưu trữ *	SSD	Công nghệ Intel® Clear Video dành cho thiết bị di động kết nối internet được (Intel CVT cho MID)	✓
Tổng dung lượng ổ cứng SSD	256 GB	Kiến trúc Intel® 64	✓
Số lượng ổ SSD được trang bị	1	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Dung lượng ổ cứng thể rắn (SSD)	256 GB	Trạng thái Chờ	✓
Chuẩn giao tiếp ổ cứng thể rắn (SSD)	NVMe, PCI Express	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
NVMe	✓	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	46x24 mm
Hệ số hình dạng ổ SSD	M.2	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	AVX 2.0, SSE4.1, SSE4.2
Loại ổ đĩa quang *	✗	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Thẻ nhớ tương thích	MicroSD (TransFlash)	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Đồ họa		Phiên bản Công nghệ Intel Identity Protection	1,00
Card đồ họa on-board *	✓	Phiên bản Công nghệ Intel® Smart Response	1,00
Họ card đồ họa on-board	Intel® UHD Graphics	Phiên bản Intel® Stable Image Platform Program (SIPP)	0,00
Model card đồ họa on-board *	Intel® UHD Graphics	Phiên bản Công nghệ Intel Secure Key	1,00
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	300 MHz	Phiên bản Intel® TSX-NI	0,00
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1100 MHz	Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	32 GB	ID ARK vi xử lý	149088
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12.0	Pin	
Phiên bản OpenGL của card đồ họa on-board	4.5	Công nghệ pin	Lithium-Ion (Li-Ion)
ID card đồ họa on-board	0x3EA0	Công suất pin *	45 Wh
Âm thanh		Tuổi thọ pin (tối đa)	12 h
Chip âm thanh	Realtek ALC3287	Sạc nhanh	✓
Hệ thống âm thanh	Dolby Advanced Audio	Điện	
Số lượng loa gắn liền	2	Cổng sạc USB Type-C *	✓
Công suất loa	2 W	USB Power Delivery	✓
Micro gắn kèm	✓	Bảo mật	
Máy ảnh		Khe cắm khóa cáp	✓
Camera trước	✓	Trusted Platform Module (TPM)	✓
Độ phân giải camera trước	1280 x 720 pixels	Mã pin bảo vệ	✓
Loại độ phân giải HD camera trước	HD	Bảo vệ bằng mặt khẩu	HDD, Khởi động, Supervisor
Camera riêng tư	✓	Chứng nhận	
Loại riêng tư	Nắp che camera Privacy shutter	Các loại giấy chứng nhận phù hợp	RoHS
hệ thống mạng		Tính bền vững	
Loại ăngten	2x2	Chứng chỉ bền vững	EPEAT Silver, NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Kết nối mạng Ethernet / LAN	✓	Trọng lượng & Kích thước	
Tốc độ truyền dữ liệu mạng cục bộ (LAN) Ethernet	10,100,1000 Mbit/s	Chiều rộng	376,5 mm
Bluetooth	✓	Độ dày	254,5 mm
Cổng giao tiếp		Chiều cao	22,9 mm
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1)Type-A *	2		
Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-C *	1		

Trọng lượng & Kích thước

Trọng lượng * 2 kg

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.